

**ĐÁNH GIÁ CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM VỀ MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN NGHỀ NGHIỆP CỦA
CÁC CỬ NHÂN GIÁO DỤC MẦM NON Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KHU VỰC PHÍA NAM**

*Huỳnh Văn Sơn¹
Dương Thị Hồng Hiếu¹*

TÓM TẮT

Bài viết đề cập kết quả đánh giá của đội ngũ giảng viên các trường sư phạm về mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp của cử nhân Giáo dục mầm non ở các trường đại học khu vực phía Nam. Nhìn chung, đội ngũ cử nhân Giáo dục mầm non đáp ứng các yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng và kiến thức chuyên môn, đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp của ngành đào tạo.

Từ khóa: *Đánh giá, giảng viên, mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp, cử nhân Giáo dục mầm non*

1. Đặt vấn đề

Nghề giáo là nghề “dùng nhân cách để giáo dục nhân cách”, nói cách khác, để hình thành nhân cách cho học sinh, người thầy không chỉ dùng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp mà còn dùng cả nhân cách của mình để làm gương. Do đó, hơn bất cứ nghề nghiệp nào, những yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và kiến thức, kỹ năng chuyên môn rất quan trọng và cần thiết mà giáo viên phải đáp ứng được. Những yêu cầu này đối với giáo viên nói chung và giáo viên mầm non bao gồm việc thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của một công dân cũng như những yêu cầu đặc thù của ngành giáo, đồng thời luôn nỗ lực rèn luyện, học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ tri thức, kỹ năng [1].

Việt Nam đang trong giai đoạn đổi mới nền giáo dục, trong năm học 2019-

2020 sẽ triển khai chương trình giáo dục phổ thông tổng thể [2]. Vì vậy, việc đào tạo giáo viên đáp ứng được những yêu cầu mới về phẩm chất đạo đức, năng lực, kỹ năng chuyên môn là nhiệm vụ quan trọng của bất cứ trường sư phạm nào. Công tác đảm bảo chất lượng đào tạo này đòi hỏi nhà quản lý các trường sư phạm phải thực hiện đánh giá chuẩn đầu ra cũng như chương trình đào tạo, chất lượng giảng dạy... của các lực lượng giáo dục trong nhà trường, trong đó có tính toán việc đánh giá mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp của đội ngũ cử nhân các ngành sư phạm.

Trong bài viết này, chúng tôi đề cập công tác đánh giá mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp kể trên dưới góc nhìn của đội ngũ giảng viên các trường sư phạm như là một minh chứng hỗ trợ công tác rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn của các cử nhân thông qua chuẩn nghề

¹Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
Email: sonhuynhts@gmail.com

ng nghiệp, cụ thể là với hệ cử nhân ngành Giáo dục mầm non.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu đánh giá của đội ngũ giảng viên các trường đại học sư phạm về mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp của các cử nhân tốt nghiệp ngành Giáo dục mầm non ở các trường đại học khu vực phía Nam, chúng tôi sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu, trong đó phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chủ đạo, các phương pháp nghiên cứu còn lại (phỏng vấn sâu, thống kê toán học) là các phương pháp bổ trợ.

Bảng hỏi được thiết kế dành cho nhóm khách thể là đội ngũ giảng viên các trường đại học sư phạm. Gồm ba giai đoạn:

* *Giai đoạn 1:* Dựa trên cơ sở lý luận, thiết kế bảng hỏi mở gồm các câu hỏi liên quan đến sự đánh giá về mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp của các cử nhân ngành Giáo dục mầm non. Sau đó, phát cho 100 giảng viên chọn ngẫu nhiên để thu thập thông tin. Đồng thời xây dựng bảng câu hỏi mở để phát cho đội ngũ cán bộ quản lý, quản trị trường sư phạm để thu thập dữ liệu cần thiết phục vụ cho việc xây dựng công cụ nghiên cứu.

* *Giai đoạn 2:* Sau khi thu bảng hỏi mở và xử lý số liệu, xây dựng bảng hỏi chính thức dành cho các nhóm khách thể xoay quanh sự đánh giá mức độ đạt

chuẩn nghề nghiệp của cử nhân Giáo dục mầm non. Hai bảng hỏi có 2/3 câu tương đương và có các câu hỏi khác nhau theo yêu cầu đặc trưng.

* *Giai đoạn 3:* Tiến hành phát phiếu điều tra chính thức.

Với phương pháp phỏng vấn, chúng tôi phỏng vấn khách thể là các giảng viên đang trực tiếp giảng dạy ngành Giáo dục mầm non ở các trường đại học sư phạm và các cán bộ quản lý, quản trị trường đại học sư phạm nhằm bổ sung cứ liệu cho phương pháp nghiên cứu điều tra bằng bảng hỏi để góp phần làm rõ sự đánh giá mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp của các cử nhân.

2.2. Khách thể nghiên cứu

Nhóm khách thể gồm 233 giảng viên đang giảng dạy ngành Giáo dục mầm non tại các trường: Đại học Sư phạm thành phố (TP.) Hồ Chí Minh, Đại học Sài Gòn, Đại học Đồng Tháp, Đại học Tiền Giang, Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

Về nhóm giảng viên, tỷ lệ giảng viên nữ chiếm 82,1%, tỷ lệ giảng viên nam chiếm 17,9%; 8,3% giảng viên có trình độ phó giáo sư, 27,4% trình độ tiến sĩ, 40,2% trình độ thạc sĩ và 24,1% trình độ cử nhân.

Nhìn chung, khách thể khá đa dạng, có sự phân tán về giới, trình độ đào tạo... nên kết quả mang tính đại diện nhất định.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Đánh giá chung

Bảng 1: Đánh giá chung của giảng viên về mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp của cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non

YÊU CẦU	Tỷ lệ (%)					ĐTB	Thứ hạng
	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Cao		
Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống							
Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	0,0	0,0	30,8	69,2	0,0	3,69	1
Chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước	0,0	0,0	69,2	23,1	7,7	3,38	2
Chấp hành quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động	0,0	0,0	69,2	30,8	0,0	3,31	4
Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo, có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp	7,7	0,0	53,8	30,8	7,7	3,31	4
Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; tận tình phục vụ nhân dân và trẻ mầm non	0,0	0,0	61,5	38,5	0,0	3,38	2
Kiến thức							
Kiến thức cơ bản về Giáo dục mầm non	0,0	7,7	53,8	30,8	7,7	3,38	2
Kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ lứa tuổi mầm non	0,0	0,0	76,9	23,1	0,0	3,23	5
Kiến thức cơ sở chuyên ngành	0,0	0,0	69,2	30,8	0,0	3,31	4
Kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non	0,0	0,0	46,2	53,8	0,0	3,54	1
Kiến thức phổ thông về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội liên quan đến Giáo dục mầm non	0,0	0,0	61,5	38,5	0,0	3,38	2
Kỹ năng sư phạm							
Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ	0,0	0,0	53,8	46,2	0,0	3,46	2
Kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ em	0,0	0,0	69,2	23,1	7,7	3,38	3
Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ	0,0	0,0	61,5	38,5	0,0	3,38	3
Kỹ năng quản lý lớp học	0,0	0,0	84,6	15,4	0,0	3,15	5
Kỹ năng giao tiếp ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng	0,0	0,0	46,2	53,8	0,0	3,54	1

*** Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống**

Theo đánh giá của giảng viên các trường sư phạm, về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có 4/5 tiêu chí giáo viên mầm non chỉ đáp ứng ở mức độ “trung bình” với ĐTB dao động từ 3,31 đến 3,38. Điều này chứng tỏ các giảng viên đánh giá chưa cao về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của giáo viên mầm non. Đặc biệt là ở tiêu chí “Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo, có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp” có ĐTB = 3,31 và có 7,7% giáo viên đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của giáo viên mầm non ở mức độ “kém”. Đây là vấn đề cần được quan tâm, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, nhiều vụ việc đáng tiếc xảy ra khiến phụ huynh thiếu tin tưởng vào giáo viên mầm non.

Tiêu chí duy nhất trong 5 tiêu chí được đánh giá ở mức độ “khá” (ĐTB = 3,69) là “Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Tuy nhiên, ĐTB của tiêu chí cũng khá tiệm cận ở mức độ đánh giá “trung bình”, do đó cũng chưa phải là kết quả đáng mừng.

Như vậy, kết quả nghiên cứu này cho phép chúng tôi có cái nhìn ở góc độ khác về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của giáo viên mầm non.

*** Về kiến thức**

Theo đánh giá của giảng viên sư phạm, các giáo viên mầm non có 4/5 tiêu chí chỉ đạt ở mức độ “trung bình” với ĐTB từ 3,23 đến 3,38. Yếu tố duy nhất được đánh giá ở mức độ “khá” là “Kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non” có ĐTB = 3,54. Có thể thấy, ĐTB của yếu tố này không quá cao, khá tiệm cận với mức đánh giá ở mức độ “trung bình”, do đó có thể nhận thấy giảng viên sư phạm đánh giá chưa cao về kiến thức của giáo viên mầm non, đặc biệt là “Kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non”.

*** Về kỹ năng sư phạm**

Cũng tương tự như lĩnh vực kiến thức, ở kỹ năng sư phạm, giảng viên các trường sư phạm đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn của các giáo viên mầm non chỉ ở mức độ “trung bình” với 4/5 tiêu chí, có ĐTB từ 3,15 đến 3,46. “Kỹ năng giao tiếp ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng” là yếu tố duy nhất có ĐTB = 3,54 nằm trong mức độ “khá”. Tiêu chí có ĐTB thấp nhất, xếp ở thứ hạng cuối cùng là “Kỹ năng quản lý lớp học”.

2.3.2. Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống

Bảng 2: Đánh giá của giảng viên về mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp của cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống

YÊU CẦU	Tỷ lệ (%)					ĐTB	Thứ hạng
	Kém	Yếu	TB	Khá	Cao		
Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc							
Tham gia học tập, nghiên cứu Nghị quyết của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước	0,0	0,0	61,5	38,5	0,0	3,38	3
Yêu nghề, tận tụy với nghề, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ	0,0	0,0	69,2	23,1	7,7	3,38	3
Giáo dục trẻ yêu thương, lễ phép với ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi, thân thiện với bạn bè và biết yêu quê hương	0,0	0,0	53,8	30,8	15,4	3,62	1
Tham gia các hoạt động xây dựng bảo vệ quê hương đất nước góp phần phát triển đời sống kinh tế, văn hóa, cộng đồng...	0,0	0,0	53,8	38,5	7,7	3,54	2
Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước							
Chấp hành các quy định của pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước	0,0	0,0	46,2	46,2	7,7	3,62	1
Thực hiện các quy định của địa phương	0,0	7,7	46,2	23,1	23,1	3,62	1
Giáo dục trẻ thực hiện các quy định ở trường, lớp, nơi công cộng	0,0	0,0	84,6	15,4	0,0	3,15	4
Vận động gia đình và mọi người xung quanh chấp hành các chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương	0,0	7,7	61,5	30,8	0,0	3,23	3
Chấp hành các quy định của ngành, quy định của trường, kỷ luật lao động							
Chấp hành quy định của ngành, quy định của nhà trường	0,0	7,7	53,8	38,5	0,0	3,31	2
Tham gia đóng góp xây dựng và thực hiện nội quy hoạt động của nhà trường	0,0	0,0	92,3	7,7	0,0	3,08	4
Thực hiện các nhiệm vụ được phân công	0,0	0,0	69,2	30,8	0,0	3,31	2
Chấp hành kỷ luật lao động, chịu trách nhiệm về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhóm lớp được phân công	0,0	0,0	61,5	30,8	7,7	3,46	1

YÊU CẦU	Tỷ lệ (%)					ĐTB	Thứ hạng
	Kém	Yếu	TB	Khá	Cao		
Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp							
Sống trung thực, lành mạnh, giản dị, gương mẫu, được đồng nghiệp, người dân tín nhiệm và trẻ yêu quý	0,0	0,0	61,5	38,5	0,0	3,38	3
Tự học, phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, khỏe mạnh và thường xuyên rèn luyện sức khỏe	0,0	0,0	46,2	46,2	7,7	3,62	1
Không có biểu hiện tiêu cực trong cuộc sống, trong chăm sóc, giáo dục trẻ	0,0	0,0	53,8	46,2	0,0	3,46	2
Không vi phạm các quy định về các hành vi nhà giáo không được làm	0,0	0,0	69,2	30,8	0,0	3,31	4
Trung thực trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp; tận tình phục vụ nhân dân, trẻ							
Trung thực trong báo cáo kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ và trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công	0,0	0,0	53,8	38,5	7,7	3,54	1
Đoàn kết với mọi thành viên trong trường; có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ	0,0	0,0	69,2	30,8	0,0	3,31	3
Có thái độ đúng mực và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của cha mẹ trẻ em	0,0	0,0	76,9	23,1	0,0	3,23	4
Chăm sóc, giáo dục trẻ bằng tình thương yêu, sự công bằng và trách nhiệm của một nhà giáo	0,0	0,0	53,8	46,2	0,0	3,46	2

*** Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

Ở nội dung này, có 2/4 yếu tố được giảng viên sư phạm đánh giá giáo viên mầm non đáp ứng chuẩn nghề nghiệp ở mức độ “khá”, bao gồm: “Giáo dục trẻ yêu thương, lễ phép với ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi, thân thiện với bạn bè và

biết yêu quê hương” (ĐTB = 3,62); “Tham gia các hoạt động xây dựng bảo vệ quê hương đất nước góp phần phát triển đời sống kinh tế, văn hóa, cộng đồng” (ĐTB = 3,54). Hai yếu tố còn lại có ĐTB đều bằng 3,38 tương ứng với mức đánh giá “trung bình” là “Tham gia học tập, nghiên cứu các Nghị quyết của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước” và “Yêu nghề, tận tụy với nghề,

sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ”. Tuy được đánh giá ở hai mức khác nhau nhưng có thể thấy ĐTB khá gần nhau và khá tiệm cận ở mức “trung bình”, chính vì vậy các tiêu chí này đều cần phải được xem xét để nâng cao mức độ đạt chuẩn cho giáo viên mầm non.

*** Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước**

Trong số bốn nội dung ở tiêu chí này, có 2 tiêu chí cùng có ĐTB = 3,62 được xếp ở vị trí đầu tiên là: “Chấp hành các quy định của pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước” và “Thực hiện các quy định của địa phương”. Điều này có thể thấy các giáo viên mầm non được đánh giá đã thực hiện khá tốt các quy định, chủ trương của nhà nước cũng như của địa phương, hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của một công dân. Hai yếu tố còn lại là “Giáo dục trẻ thực hiện các quy định ở trường, lớp, nơi công cộng” (ĐTB = 3,15) và “Vận động gia đình và mọi người xung quanh chấp hành các chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương” (ĐTB = 3,23) được đánh giá ở mức độ “trung bình”. Như vậy, có thể nói theo giảng viên Sư phạm, giáo viên mầm non đã thực hiện khá tốt trách nhiệm, nghĩa vụ với nhà nước và địa phương nhưng chưa thực sự biến đổi đó thành nội dung giáo dục cho trẻ cũng như khả năng tác động tới những người xung quanh còn chưa thực sự tốt.

*** Chấp hành các quy định của ngành, quy định của trường, kỷ luật lao động**

Cả bốn nội dung trong tiêu chí này đều có ĐTB dao động từ 3,08 đến 3,46 cho thấy giảng viên sư phạm đánh giá ở các tiêu chí này giáo viên mầm non đáp ứng chuẩn nghề nghiệp mức độ “trung bình”, trong đó xếp ở thứ hạng đầu tiên là “Chấp hành kỷ luật lao động, chịu trách nhiệm về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhóm lớp được phân công” (ĐTB = 3,46).

*** Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp**

Với ĐTB từ 3,31 đến 3,62 cho thấy các nội dung trong tiêu chí này được đánh giá ở mức độ trung bình đến khá. Cụ thể, có 3/4 nội dung được đánh giá ở mức độ “trung bình”, bao gồm: sống trung thực, lành mạnh, giản dị, gương mẫu, được đồng nghiệp, người dân tin nhiệm và trẻ yêu quý (ĐTB = 3,38); không có biểu hiện tiêu cực trong cuộc sống, trong chăm sóc, giáo dục trẻ (ĐTB = 3,46); không vi phạm các quy định về các hành vi nhà giáo không được làm (ĐTB = 3,31).

Yếu tố duy nhất được đánh giá ở mức độ “khá” là “Tự học, phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, khỏe mạnh và thường xuyên rèn luyện sức khỏe” (ĐTB = 3,62).

*** Trung thực trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp; tận tình phục vụ nhân dân và trẻ**

Trong số bốn nội dung thuộc tiêu chí này, duy nhất nội dung “Trung thực trong báo cáo kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ và trong quá trình thực hiện nhiệm vụ” có ĐTB = 3,54 là được đánh giá ở mức độ “khá”, tuy nhiên mức ĐTB này khá thấp, gần với mức đánh giá “trung bình”, chính vì vậy cũng chưa phải là kết quả đáng mừng.

Ba nội dung còn lại đều có mức ĐTB <3,50, dao động từ 3,23 đến 3,46 rơi vào mức đánh giá “trung bình”. Như vậy, có thể nói tiêu chí “trung thực trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp; tận tình phục vụ nhân dân và trẻ” của giáo viên mầm non được giảng viên sư phạm đánh giá đạt chuẩn ở mức “trung bình”.

2.3.3. Về kiến thức

Bảng 3: Đánh giá chung của giảng viên về mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp của cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non về lĩnh vực kiến thức

YÊU CẦU	Tỷ lệ (%)					ĐTB	Thứ hạng
	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Cao		
Kiến thức cơ bản về Giáo dục mầm non							
Hiểu biết cơ bản về đặc điểm tâm lý, sinh lý trẻ lứa tuổi mầm non	0,0	7,7	46,2	46,2	0,0	3,38	2
Có kiến thức về Giáo dục mầm non bao gồm giáo dục hoà nhập trẻ tàn tật, khuyết tật	0,0	0,0	69,2	23,1	7,7	3,38	2
Hiểu biết mục tiêu, nội dung chương trình Giáo dục mầm non	0,0	0,0	69,2	30,8	0,0	3,31	4
Có kiến thức về đánh giá sự phát triển của trẻ	0,0	0,0	46,2	53,8	0,0	3,54	1
Kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ lứa tuổi mầm non							
Hiểu biết về an toàn, phòng tránh và xử lý ban đầu các tai nạn thường gặp ở trẻ	0,0	0,0	61,5	38,5	0,0	3,38	1
Có kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ	0,0	7,7	76,9	15,4	0,0	3,08	4
Hiểu biết về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ;	0,0	0,0	61,5	38,5	0,0	3,38	1
Có kiến thức về một số bệnh thường gặp ở trẻ, cách phòng bệnh và xử lý ban đầu.	0,0	0,0	76,9	23,1	0,0	3,23	3
Kiến thức cơ sở chuyên ngành							
Kiến thức về phát triển thể chất	0,0	0,0	38,5	61,5	0,0	3,62	1

YÊU CẦU	Tỷ lệ (%)					ĐTB	Thứ hạng
	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Cao		
Kiến thức về hoạt động vui chơi	0,0	0,0	61,5	38,5	0,0	3,38	2
Kiến thức về tạo hình, âm nhạc và văn học	0,0	0,0	61,5	38,5	0,0	3,38	2
Có kiến thức môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và phát triển ngôn ngữ	0,0	0,0	84,6	15,4	0,0	3,15	4
Kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non							
Có kiến thức về phương pháp phát triển thể chất cho trẻ	0,0	0,0	61,5	38,5	0,0	3,38	2
Có kiến thức về phương pháp phát triển tình cảm – xã hội và thẩm mỹ cho trẻ	0,0	0,0	61,5	30,8	7,7	3,46	1
Có kiến thức về phương pháp tổ chức hoạt động chơi cho trẻ	0,0	0,0	61,5	38,5	0,0	3,38	2
Có kiến thức về phương pháp phát triển nhận thức và ngôn ngữ của trẻ	0,0	0,0	76,9	23,1	0,0	3,23	4
Kiến thức phổ thông về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội liên quan đến Giáo dục mầm non phục vụ nhân dân và trẻ							
Có hiểu biết về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội và giáo dục của địa phương nơi giáo viên công tác	0,0	0,0	69,2	30,8	0,0	3,31	4
Có kiến thức về giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống một số tệ nạn xã hội	0,0	0,0	53,8	38,5	7,7	3,54	1
Có kiến thức phổ thông về tin học, ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc nơi giáo viên công tác	0,0	0,0	61,5	30,8	7,7	3,46	2
Có kiến thức về sử dụng một số phương tiện nghe nhìn trong giáo dục	0,0	0,0	53,8	46,2	0,0	3,46	2

*** Kiến thức cơ bản về Giáo dục mầm non**

Trong số bốn nội dung mà đề tài khảo sát ở tiêu chí “kiến thức cơ bản về Giáo dục mầm non”, có thể thấy cả bốn nội dung này có ĐTB khá gần nhau, dao động từ 3,31 đến 3,54. Trong đó, có ba nội dung được giảng viên sư phạm đánh giá khách thể đáp ứng

chuẩn ở mức trung bình. Yếu tố duy nhất được đánh giá ở mức độ “khá” là “Có kiến thức về đánh giá sự phát triển của trẻ”, nhưng ĐTB của nội dung này cũng không cao (ĐTB = 3,54), do đó có thể kết luận giảng viên các trường Sư phạm đánh giá chưa cao kiến thức cơ bản về Giáo dục mầm non của khách thể khi mới tốt nghiệp. Đặc biệt,

ở nội dung “Hiểu biết cơ bản về đặc điểm tâm lý, sinh lý trẻ mầm non”, có 7,7% giảng viên tham gia khảo sát đánh giá ở mức độ “yếu”. Việc hiểu biết về đặc điểm tâm lý, sinh lý trẻ mầm non được rèn luyện chủ yếu qua các học phần Tâm lý học và quá trình quan sát, tiếp xúc với trẻ của giáo viên. Trong giai đoạn hiện nay, việc các học phần Tâm lý học đang bị rút ngắn dần, cử nhân Giáo dục mầm non mới tốt nghiệp chưa có nhiều cơ hội tiếp xúc với trẻ, nếu không chịu khó quan sát, nghiên cứu, học hỏi thêm thì việc thiếu hiểu biết về đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ cũng là kết quả dễ lý giải.

*** Kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ lứa tuổi mầm non**

Kết quả nghiên cứu cho thấy, ĐTB của cả bốn nội dung trong tiêu chí này dao động từ 3,08 đến 3,38 được đánh giá ở mức độ đáp ứng “trung bình”, trong đó thấp nhất là nội dung “Có kiến thức về vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ” (ĐTB = 3,08). Ở nội dung này cũng có 7,7% giảng viên các trường sư phạm đánh giá cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non đáp ứng chuẩn nghề nghiệp ở mức độ “yếu”. Điều này cho thấy, giảng viên các trường sư phạm đánh giá không cao về mức độ đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non trong kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

*** Kiến thức cơ sở chuyên ngành**

Kiến thức cơ sở chuyên ngành đối với Giáo dục mầm non khá rộng, bao

gồm: kiến thức về phát triển thể chất; kiến thức về hoạt động vui chơi; kiến thức về tạo hình, âm nhạc và văn học; kiến thức về môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và phát triển ngôn ngữ. Các nội dung này đều được chú trọng giảng dạy khá kỹ ở trường sư phạm nhằm đảm bảo cho giáo viên mầm non có thể tổ chức các hoạt động này cho trẻ một cách linh hoạt dựa trên những hiểu biết khoa học về bản chất của các dạng hoạt động này. Tuy nhiên, theo đánh giá của giảng viên các trường sư phạm, mức độ đạt chuẩn của cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non là không cao. Có 3/4 nội dung chỉ đáp ứng ở mức độ trung bình với ĐTB từ 3,15 đến 3,38. Thấp nhất là nội dung “Có kiến thức môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và phát triển ngôn ngữ” (ĐTB = 3,15), với 84,6% giảng viên đánh giá cử nhân sư phạm đạt mức “trung bình”. Nội dung được đánh giá cao nhất ở tiêu chí này là “Kiến thức về phát triển thể chất” với ĐTB = 3,62 tương ứng với mức độ “khá”.

*** Kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non**

Ở tiêu chí này, cả bốn nội dung đều có ĐTB không cao, dao động từ 3,23 đến 3,46, được xếp ở mức độ đánh giá “trung bình”. Điều này có nghĩa là giảng viên các trường sư phạm cho rằng kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non bao gồm: kiến thức về phương pháp phát triển thể chất cho trẻ; kiến thức về phương pháp phát triển tình cảm – xã hội và thẩm mỹ cho trẻ;

kiến thức về phương pháp tổ chức hoạt động chơi cho trẻ; kiến thức về phương pháp phát triển nhận thức và ngôn ngữ của trẻ của cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non mới chỉ đáp ứng chuẩn nghề nghiệp ở mức độ “trung bình”. Trong đó đặc biệt thấp nhất là nội dung “kiến thức về phương pháp phát triển nhận thức và ngôn ngữ của trẻ” với ĐTB = 3,23.

*** Kiến thức phổ thông về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội liên quan đến Giáo dục mầm non phục vụ nhân dân và trẻ**

Ở tiêu chí này, kết quả nghiên cứu cũng không thực sự khả quan. Có 3/4 nội dung có ĐTB được xếp ở mức độ đánh giá “trung bình”, bao gồm: Có hiểu biết về chính trị, kinh tế, văn hóa

xã hội và giáo dục của địa phương nơi giáo viên công tác (ĐTB = 3,31); Có kiến thức phổ thông về tin học, ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc nơi giáo viên công tác (ĐTB = 3,46); Có kiến thức về sử dụng một số phương tiện nghe nhìn trong giáo dục (ĐTB = 3,46).

Ở nội dung còn lại, “Có kiến thức về giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống một số tệ nạn xã hội”, mặc dù được đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn ở mức “khá”, nhưng ĐTB lại không cao, chỉ dừng lại xấp xỉ mức trung bình (ĐTB = 3,54), do đó cũng chưa phải là kết quả mong đợi trong mức độ đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của khách thể.

2.3.4. Về kỹ năng sư phạm

Bảng 4: *Đánh giá chung của giảng viên về mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp của cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non về kỹ năng sư phạm*

YÊU CẦU	Tỷ lệ (%)					ĐTB	Thứ hạng
	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Cao		
Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ							
Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ theo năm học thể hiện mục tiêu và nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ của lớp mình phụ trách	0,0	0,0	61,5	30,8	7,7	3,46	1
Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ theo tháng, tuần	0,0	0,0	92,3	7,7	0,0	3,08	4
Lập kế hoạch hoạt động một ngày theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực của trẻ	0,0	7,7	69,2	23,1	0,0	3,15	3
Lập kế hoạch phối hợp với cha mẹ của trẻ để thực hiện mục tiêu chăm sóc, giáo dục trẻ	0,0	0,0	69,2	30,8	0,0	3,31	2
Kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ							
Biết tổ chức môi trường nhóm, lớp đảm bảo vệ sinh và an toàn cho trẻ	0,0	0,0	69,2	15,4	15,4	3,46	1

YÊU CẦU	Tỷ lệ (%)					ĐTB	Thứ hạng
	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Cao		
Biết tổ chức giấc ngủ, bữa ăn đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ	0,0	0,0	84,6	15,4	0,0	3,15	4
Biết hướng dẫn trẻ rèn luyện một số kỹ năng tự phục vụ	0,0	0,0	69,2	30,8	0,0	3,31	2
Biết phòng tránh và xử trí ban đầu một số bệnh, tai nạn thường gặp đối với trẻ	0,0	0,0	76,9	23,1	0,0	3,23	3
Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ							
Biết tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ	0,0	0,0	84,6	15,4	0,0	3,15	4
Biết tổ chức môi trường giáo dục phù hợp với điều kiện của nhóm, lớp	0,0	0,0	76,9	23,1	0,0	3,23	3
Biết sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi (kể cả đồ dùng, đồ chơi tự làm) và các nguyên vật liệu vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ	0,0	0,0	69,2	30,8	0,0	3,31	2
Biết quan sát, đánh giá trẻ và có phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp	0,0	0,0	38,5	61,5	0,0	3,62	1
Kỹ năng quản lý lớp học							
Đảm bảo an toàn cho trẻ	0,0	0,0	61,5	15,4	23,1	3,62	1
Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý nhóm, lớp gắn với kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ	0,0	0,0	76,9	23,1	0,0	3,23	3
Quản lý và sử dụng có hiệu quả hồ sơ, sổ sách cá nhân, nhóm, lớp	0,0	0,0	61,5	38,5	0,0	3,38	2
Sắp xếp, bảo quản đồ dùng, đồ chơi, sản phẩm của trẻ phù hợp mục đích chăm sóc, giáo dục	0,0	0,0	76,9	23,1	0,0	3,23	3
Kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng							
Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm	0,0	0,0	46,2	53,8	0,0	3,54	1
Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với đồng nghiệp một cách chân tình, cởi mở, thẳng thắn	0,0	0,0	69,2	30,8	0,0	3,31	3
Gần gũi, tôn trọng và hợp tác trong giao tiếp, ứng xử với cha mẹ trẻ	0,0	0,0	69,2	30,8	0,0	3,31	3
Giao tiếp, ứng xử với cộng đồng trên tinh thần hợp tác, chia sẻ	0,0	0,0	53,8	46,2	0,0	3,46	2

*** Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ**

Trong số bốn nội dung của tiêu chí “lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ” trong tiêu chuẩn về lĩnh vực kỹ năng sư phạm, cả bốn tiêu chí đều được giảng viên các trường sư phạm đánh giá cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non đáp ứng chuẩn nghề nghiệp ở mức độ “trung bình” với ĐTB từ 3,15 đến 3,46. Trong đó, cao nhất là nội dung “Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ theo năm học thể hiện mục tiêu và nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ của lớp mình phụ trách” (ĐTB = 3,46) và thấp nhất là “Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ theo tháng, tuần” (ĐTB = 3,08). Tuy nhiên, có thể nhận thấy mức độ chênh lệch ĐTB giữa các nội dung này là không lớn, do đó có thể thấy mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp ở các nội dung trong tiêu chí này của cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non là khá đồng đều.

*** Kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ**

Tương ứng với kết quả nghiên cứu kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho trẻ ở trên, kết quả nghiên cứu về kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ của cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non cũng không được giảng viên sư phạm đánh giá cao. Cả 4/4 nội dung đều có mức ĐTB dao động từ 3,15 đến 3,46 tương ứng với mức độ đánh giá “trung bình”. Đặc biệt thấp nhất là nội dung “Biết tổ chức giấc

ngủ, bữa ăn đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ” (ĐTB = 3,15). Như vậy, có thể kết luận, theo đánh giá của giảng viên các trường sư phạm, cử nhân sư phạm Giáo dục mầm non đáp ứng chuẩn nghề nghiệp chưa cao về kiến thức cũng như kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho trẻ mầm non.

*** Kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ**

Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ là yêu cầu cơ bản cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non phải đáp ứng được, bởi nó là một trong những nhiệm vụ chính mà giáo viên mầm non cần phải thực hiện trong quá trình công tác tại trường mầm non. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tiêu chí này cũng chưa được các cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non đáp ứng ở mức độ mong đợi khi có 3/4 nội dung đạt mức ĐTB từ 3,15 đến 3,31 tương ứng với mức đạt chuẩn “trung bình”. Chỉ có 1 nội dung được đánh giá ở mức độ “khá” với ĐTB = 3,62 là “Biết quan sát, đánh giá trẻ và có phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp”. Chính vì vậy, để nâng cao chất lượng của Giáo dục mầm non, rất cần thiết phải nâng cao mức độ đạt chuẩn của Giáo viên mầm non trong tiêu chí này.

*** Kỹ năng quản lý lớp học**

Trong số bốn nội dung của tiêu chí về kỹ năng quản lý lớp học mà đề tài liệt kê, có 3/4 tiêu chí được giảng viên các trường sư phạm đánh giá cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non mới

đáp ứng ở mức độ “trung bình”, bao gồm: Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý nhóm, lớp gắn với kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ (ĐTB = 3,23); Quản lý và sử dụng có hiệu quả hồ sơ, sổ sách cá nhân, nhóm, lớp (ĐTB = 3,38); Sắp xếp, bảo quản đồ dùng, đồ chơi, sản phẩm của trẻ phù hợp với mục đích chăm sóc, giáo dục (ĐTB = 3,23). “Đảm bảo an toàn cho trẻ” là yếu tố duy nhất được đánh giá ở mức độ “khá” với ĐTB = 3,62. Kết quả này cho thấy, kỹ năng quản lý lớp học của cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non trong đánh giá của giảng viên các trường sư phạm thực sự chưa cao.

*** Kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng**

ĐTB của các nội dung trong tiêu chí này khá gần nhau, dao động từ 3,31 đến 3,54 cho thấy mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp của cử nhân sư phạm mầm non dưới đánh giá của giảng viên các trường sư phạm ở tiêu chí này khá đồng đều. Mặc dù có 1/4 nội dung đạt mức độ “khá” là “Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ một cách gần gũi, tình cảm” (ĐTB = 3,54), nhưng ĐTB của nội dung này cũng khá tiệm cận với mức độ đánh giá trung bình như các nội dung còn lại, do đó, có thể kết luận kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng của cử nhân sư phạm ngành Giáo dục mầm non chưa thực sự được đánh giá cao. Đây là kết quả cần phải được ghi nhận trong quá

trình nâng cao hiệu quả của Giáo dục mầm non.

3. Kết luận

Tóm lại, qua việc phân tích kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp của các cử nhân Giáo dục mầm non ở các trường đại học khu vực phía Nam của đội ngũ giảng viên các trường đại học sư phạm. Có thể rút ra một số kết luận sau:

Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống: hầu hết cử nhân Giáo dục mầm non đều đáp ứng các yêu cầu như Nhận thức tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước; chấp hành các quy định của ngành, quy định của trường, kỷ luật lao động; có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp; trung thực trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp; tận tình phục vụ nhân dân và trẻ ở mức trung bình cho đến cao.

Về kiến thức chuyên môn: 100% cử nhân Giáo dục mầm non đảm bảo được từ mức độ trung bình đến cao về kiến thức cơ bản về Giáo dục mầm non; kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ lứa tuổi mầm non; kiến thức cơ sở chuyên ngành; kiến thức về phương pháp giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non; kiến thức phổ thông về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội liên quan đến Giáo dục mầm non phục vụ nhân dân và trẻ.

Về kỹ năng sư phạm: đại đa số cử nhân Giáo dục mầm non đáp ứng trung bình đến khá trong vấn đề lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ; kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ; kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ; kỹ năng quản lý lớp học; kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng.

Dù rằng, kết quả đánh giá của đội ngũ giảng viên chủ yếu từ mức độ trung

bình đến khá (trong đó trung bình chiếm hơn 50%), nhưng đây là kết quả cần phải được ghi nhận trong quá trình nâng cao hiệu quả của Giáo dục mầm non mà các cấp quản lý giáo dục cần lưu tâm để xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng cũng như chuẩn nghề nghiệp cho đội ngũ cử nhân tốt hơn trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định về Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên mầm non*, số 02/2008/QĐ-BGDĐT, Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường Đại học, Cao đẳng*, được ban hành kèm theo Quyết định số 36/2003/QĐ-BGDĐT, ngày 01/8/2003

ASSESSMENT OF PEDAGOGICAL UNIVERSITY LECTURERS ON THE LEVEL OF CAREER STANDARD OF EARLY CHILDHOOD EDUCATION BACHELORS GRADUATED FROM UNIVERSITIES IN THE SOUTH OF VIETNAM

ABSTRACT

The article mentions the assessment results of the teaching staff of the pedagogical universities on the professional standards of the Bachelors of Early Childhood Education graduated from the Vietnam Southern universities. In general, the Early Childhood Education Bachelors meet the requirements of political qualities, ethics, lifestyles, skills and professional knowledge, meeting the professional standards of the training industry.

Key words: *Assessment, lecturer, career standard qualification, Early Childhood Education Bachelor*

(Received: 11/4/2019, Revised: 17/4/2019, Accepted for publication: 11/9/2019)